

# CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### NĂM 2011

**Trụ sở chính:**

Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0650 3791038 Fax: 0650 3791037

Website : [www.miraejsc.com.vn](http://www.miraejsc.com.vn)

**Chi nhánh Hưng Yên :**

Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321 3974 170 Fax: 0321 974 172

## MỤC LỤC

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	3
1.1.	Những sự kiện quan trọng .....	3
1.2.	Quá trình phát triển.....	5
1.3.	Định hướng phát triển.....	6
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
2.1.	Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	8
2.2.	Tình hình thực hiện năm 2011 so với kế hoạch.....	8
2.3.	Triển vọng và kế hoạch kinh doanh năm 2012.....	8
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	11
3.1.	Báo cáo tình hình tài chính .....	11
3.2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
3.3.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được.....	16
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN.....	18
4.1.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011.....	18
4.2.	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011.....	20
4.3.	Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2011 (Theo phương pháp gián tiếp).....	21
V.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	22
5.1.	Kiểm toán độc lập .....	22
5.2.	Kiểm toán nội bộ.....	22
VI.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN .....	23
VII.	TỔ CHỨC NHÂN SỰ.....	23
7.1.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	23
7.2.	Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	25
VIII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	28
8.1.	Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	28
8.2.	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	40
8.3.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn đến 03/2012:.....	40
IX.	CÁC THÔNG TIN KHÁC.....	42

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**

## **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1.1. Những sự kiện quan trọng**

#### **Thành lập:**

Công ty Cổ phần Mirae tiền thân là Công ty TNHH Mirae Fiber VN, chính thức thành lập ngày 15/11/2001. Công ty TNHH Mirae Fiber VN có chủ đầu tư là Công ty TNHH Mirae Fiber Technology Co., Ltd. Điểm qua quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Mirae có các cột mốc đáng nhớ như sau:

Ngày 15/11/2001, Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Bình Dương được thành lập lấy tên là Công ty TNHH Mirae Fiber VN theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD với mức vốn đầu tư đăng ký là 950.000 đô la Mỹ, vốn pháp định là 650.000 đô la Mỹ, thời hạn hoạt động là 44 năm;

Ngày 20/02/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 1.900.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC1-KCN-BD, vốn pháp định là 950.000 đô la Mỹ;

Ngày 18/06/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 2.050.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC2-KCN-BD. Vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;

Ngày 23/06/2003, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 3.500.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC3-KCN-BD, vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;

Ngày 25/11/2004, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chuẩn y việc thay đổi giấy phép đầu tư số 130B/GP-KCN-BD về việc điều chỉnh vốn đầu tư, theo đó vốn đầu tư đăng ký mới là 8.182.370 đô la Mỹ, vốn pháp định là: 2.500.000 đô la Mỹ;

Ngày 10/12/2004, Chi nhánh của Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Hưng Yên tách ra hoạt động độc lập theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD-GPĐC1-HY;

Ngày 29/11/2005, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp giấy phép điều chỉnh số 130B/GPĐC2 -KCN-BD với vốn đầu tư là 10.282.370 đô la Mỹ, Vốn pháp định là 3.760.000 đô la Mỹ;

#### **Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần:**

Theo tinh thần của Nghị định 101/2006/NĐ-CP ban hành ngày 21/09/2006 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty TNHH Mirae Fiber VN đã thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt

động. Ngày 06/07/2007, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 do UBND Tỉnh Bình Dương chuẩn y việc chuyển nhượng vốn và thành lập công ty cổ phần với mức vốn điều lệ đăng ký là 116.820.660.000 đồng, tương đương 7.260.000 đô la Mỹ. Và hình thức chuyển đổi là “Giữ nguyên giá trị doanh nghiệp và bán một phần vốn của chủ đầu tư”. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 06/07/2007.

Ngày 28/11/2007, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ nhất giấy phép đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tương đương 8.260.000 đô la Mỹ.

Ngày 26/12/2008, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ ba giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tương đương 8.260.000 đô la Mỹ.

Ngày 26/01/2010, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ tư giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 273.041.890.000 đồng, tương đương 16.968.609 đô la Mỹ.

Ngày 08/09/2010, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ tư giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 324.511.870.000 đồng, tương đương 20.167.290 đô la Mỹ.

Kể từ khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần, Công ty đã liên tục tăng trưởng, không ngừng đầu tư mở rộng sản xuất và ngày càng lớn mạnh. Với những nỗ lực vượt qua khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn hoạt động sản xuất ổn định và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước.

#### **Niêm yết:**

Ngày 30/06/2008, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mirae đã chính thức giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã KMR. Số lượng cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là 7.236.850 cổ phần, tương đương trị giá là 72.368.500.000 đồng. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 60.000 đồng/cổ phiếu.

#### **Hợp nhất với Công ty cổ phần Mirae Fiber:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc hợp nhất kinh doanh với Công ty Cổ phần Mirae Fiber thông qua nghiệp vụ hoán đổi cổ phiếu để sở hữu 100% giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ Phần Mirae Fiber. Công ty đã phát hành thêm 14.017.123 cổ phiếu cho việc hợp nhất kinh doanh này, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 273.041.890.000 đồng.

**✚ Niêm yết bổ sung:**

Ngày 12 tháng 02 năm 2010, 14.017.123 cổ phiếu phát hành thêm do hợp nhất với Công ty cổ phần Mirae Fiber đã được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM, nâng tổng số cổ phiếu KMR niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM là 21.253.973 cổ phiếu.

Ngày 06/08/2010, 4.076.111 cổ phiếu do phát hành thêm để thưởng cho cổ đông hiện hữu theo Thông báo số 519/TB-SGDHCM, đã được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM, nâng tổng số cổ phiếu KMR niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM là 25.330.084 cổ phiếu.

**1.2. Quá trình phát triển****✚ Ngành nghề kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 thay đổi lần thứ nhất do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/11/2007, chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 26/12/2008 ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Mirae như sau:

- Sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm gòn, tấm chằng gòn, gòn kim, vải địa kỹ thuật nguyên phụ liệu may mặc;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh túi ngủ, chăn, khăn trải giường, gối, nệm;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may;
- Lắp ráp máy móc thiết bị các loại làm gòn, nệm, chằng gòn, nệm, lò xo, máy thêu;
- Sản xuất nệm lò xo;
- Thực hiện quyền nhập khẩu nệm lò xo và máy móc thiết bị làm gòn, nệm, chằng gòn, nệm lò xo.

**✚ Tình hình hoạt động:**

Hiện nay, Công ty đang sản xuất, gia công và kinh doanh các nhóm sản phẩm chính là: tấm bông, tấm bông xâm kim, tấm bông chần, tấm bông dán, bông hạt, bông sợi, các nguyên phụ liệu ngành dệt may... Nguyên liệu bông hóa học chủ yếu được nhập khẩu, sau đó được xử lý chế biến qua các dây chuyền sản xuất các loại tấm bông cao cấp (Padding) và dây chuyền sản xuất các loại tấm bông chần, tấm bông dán (Quilting và Bonding). Công nghệ sản xuất khép kín, hiện đại, được nhập khẩu chủ yếu từ Hàn Quốc, kết hợp với các chất phụ gia cần thiết để tạo ra các sản phẩm, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về hoá, lý, cũng như hình thức tùy theo yêu cầu của khách hàng. Với các loại sản phẩm được sản xuất qua dây chuyền Padding như tấm bông, tấm bông xâm kim, bông hạt, bông sợi phải đảm bảo độ trắng, độ mịn, xốp, đàn hồi và độ bền vật lý. Các sản phẩm sản xuất theo dây chuyền Quilting như tấm bông chần phải đạt được yêu cầu về hình thức và chất lượng theo đơn đặt hàng của các đối tác.

Sản phẩm của Công ty là nguyên liệu đầu vào của ngành may mặc xuất khẩu như các loại áo jacket, áo thể thao..., và ngành chăn, gối, đệm. Do vậy, mỗi loại sản phẩm phải đảm bảo tiêu chuẩn gắt gao theo yêu cầu của khách hàng. Các sản phẩm mang nhãn hiệu “Unifil” và “VivaBon” đã được Công ty Mirae Fiber Tech., Ltd đăng ký bản quyền nhãn hiệu sản phẩm và cho phép Công ty Cổ phần Mirae Fiber được sử dụng các nhãn hiệu này. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào thị trường may mặc xuất khẩu tại Việt Nam, Công ty cung ứng tới 70% tổng sản phẩm sản phẩm cho các công ty may nước ngoài đặt tại Việt Nam như World Best, Global MGP, Habitex, Beeahn, Hanil, Everpia VietNam... Với thị trường xuất khẩu là các nước có nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc lớn như: Mỹ, Canada, Hàn Quốc, Đan Mạch...

Bên cạnh các hoạt động sản xuất chính kể trên, Công ty còn kinh doanh các loại bông phế phẩm và một số phụ liệu cho ngành may mặc. Mặc dù, đây không phải là ngành sản xuất kinh doanh chính nhưng cũng mang lại một nguồn thu đáng kể và tạo điều kiện cho Công ty tận dụng tốt các sản phẩm thừa nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Từ năm 2008, Công ty đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất lắp ráp các hệ thống máy móc trong ngành may mặc như máy làm nệm... Theo đơn đặt hàng của khách hàng, công ty thực hiện nhập khẩu các bộ phận điều khiển, điện tử từ Hàn Quốc, Trung Quốc rồi thực hiện gia công cơ khí, lắp ráp tại xưởng cơ khí của công ty. Khách hàng chính của công ty là các đơn vị sản xuất nệm trong nước như Việt Thắng Hải Phòng, Công ty cổ phần Siêu Việt Hà Nội. Năm 2011, Công ty bắt đầu sản xuất dây chuyền máy sản xuất tấm bông và đã cung cấp dây chuyền đầu tiên cho Công ty TNHH Việt Thắng.

### **1.3. Định hướng phát triển**

#### **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Trải qua quá trình 10 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Mirae đã dần khẳng định được vị trí của mình trong ngành sản xuất nguyên vật liệu cung ứng cho ngành may mặc. Từ vị thế là một chi nhánh của Công ty cổ phần Mirae Fiber Tech của Hàn Quốc tại Việt nam, chỉ sản xuất theo các đơn hàng cung cấp nguyên liệu gòn của Công ty mẹ, đến nay, Công ty đã trở thành một công ty độc lập, là một trong những nhà cung cấp nguyên liệu gòn lớn nhất cho ngành may mặc Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang các nước khác. Hơn nữa, tận dụng các lợi thế nguyên phụ liệu đầu vào, Công ty đã bắt đầu phát triển ngành hàng chăn, ga, gối, đệm từ năm 2008.

Sau khi hoàn thiện việc sáp nhập với Công ty cổ phần Mirae Fiber tại tỉnh Hưng Yên ở Phía Bắc, Công ty trở thành công ty hàng đầu cung cấp sản phẩm padding lớn nhất Việt Nam. Với qui mô hoạt động mở rộng và các nguồn lực dồi dào, lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn đề ra các mục tiêu phát triển cao hơn để đưa Mirae trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong mọi ngành nghề hoạt động của Công ty, bao gồm không chỉ có ngành chủ

lực là sản xuất gòn, mà còn cả các ngành sản xuất chăn, ga, gối, đệm và đặc biệt là ngành sản xuất máy móc thiết bị và cung cấp bông sợi cho các nhà máy sản xuất đệm và tấm bông

 ***Chiến lược phát triển trung và dài hạn***

Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất tấm bông cao cấp các loại, sản xuất các sản phẩm chăn ga, gối, đệm, sản xuất máy móc thiết bị và cung cấp bông sợi cho các nhà máy sản xuất đệm. Công ty đã và đang có kế hoạch mở rộng thị phần bằng cách mở các đại lý độc quyền, hình thức giao hàng đến tận nhà nhằm phân phối các sản phẩm chăn, ga, gối đệm và tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước. Sản phẩm của Công ty phần lớn được xuất khẩu sang các nước Châu Âu và Hàn Quốc. Hiện nay, Công ty cũng đang hướng tới việc mở rộng thị trường sang các nước Campuchia và Indonesia. Riêng đối với ngành sản xuất máy móc thiết bị, công ty sẽ đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước đang phát triển như Bangladesh và Myanmar.

**II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.**

Năm 2011, Kinh tế Việt Nam đã trải qua một năm nhiều khó khăn với lạm phát tăng cao, tăng trưởng thấp, đầu tư trong nước giảm do thắt chặt tiền tệ, lãi suất tăng cao, đầu tư nước ngoài chững lại do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Mirae cũng đã chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Doanh thu tất cả các mặt hàng của Công ty không tăng trưởng và giảm đáng kể về sản lượng, dẫn đến lợi nhuận giảm đến 89% so với năm 2010.

Đây là năm đầu tiên, kết quả kinh doanh của Công ty giảm thấp như vậy. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cần phải phát huy hơn nữa vai trò quản lý, giúp Công ty có thể vượt qua giai đoạn khó khăn và phát triển bền vững.

**2.2. Tình hình thực hiện năm 2011 so với kế hoạch.**

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Thực hiện/kế hoạch	So với năm 2010
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	404.7	456.1	361.5	79.26%	-10.67%
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	324.51	324.51	324.51	100.00%	0.00%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	36.45	49.5	3.9	7.88%	-89.30%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (%)	9.01%	10.85%	1.08%	9.94%	-88.03%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ (%)	11.23%	15.25%	1.20%	7.88%	-89.30%

Doanh thu năm 2011 đạt 79.26% so với kế hoạch và giảm 10.67% so với năm 2010, lợi nhuận sau thuế năm 2011 chỉ đạt 7.88% so với kế hoạch và giảm 89.3% so với năm 2010 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu giảm so với năm 2011 là do: năm 2011, nền kinh tế thế giới cũng như trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là thị trường tiêu thụ trong nước đối với mặt hàng chăn, ra, gối, nệm cao cấp bị giảm nhiều, cũng như các doanh nghiệp cùng ngành khác, doanh thu bán mặt hàng hàng chăn, ra, gối, nệm của doanh nghiệp cũng bị giảm, tuy nhiên mức giảm không đáng kể (giảm khoảng 1.2% so với năm 2010). Doanh thu của doanh nghiệp năm 2011 giảm nhiều chủ yếu là do doanh thu bán máy giảm nhiều (doanh thu năm 2011 giảm 59.775.347.793 đồng (tương đương 58%) so với năm 2010 và giảm 67% so với kế hoạch). Thực tế trong năm 2011, Công ty đã ký kết được rất nhiều hợp đồng cung cấp các loại máy sản xuất gòn, nệm, chăn gòn, trong đó một số hợp đồng được ký kết vào thời điểm giữa



năm và cuối năm, các hợp đồng này sẽ được giao hàng và ghi nhận doanh thu trong năm 2012 (vì phần lớn các máy móc thiết bị chính của hệ thống máy sản xuất gòn, nệm, chăn gòn đều được công ty đặt hàng sản xuất tại Hàn Quốc, một số linh kiện và phụ kiện khác được sản xuất tại Công ty CP Mirae nên thời gian sản xuất và giao hàng kéo dài hơn so với các loại sản phẩm khác).

Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn chưa hồi phục, mặc dù vậy, Công ty CP Mirae vẫn khẳng định được vị trí dẫn đầu trong việc cung cấp các sản phẩm Padding tại thị trường Việt Nam: theo đó, doanh thu mặt hàng Padding năm 2011 tăng 21.868.741.385 đồng (tương đương 8.3%) so với năm 2010.

- Lợi nhuận của doanh nghiệp giảm nhiều so với năm 2010 và kế hoạch năm 2011: nguyên nhân chính là do doanh thu bán máy giảm nhiều làm cho lợi nhuận từ bán máy giảm đáng kể (giảm 52.976.706.901 đồng tương đương 77%) vì mặt hàng máy móc có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao, điều này làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 40.888.248.482 đồng. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng gia tăng so với năm 2010: tăng 13%.

**2.3. Triển vọng và kế hoạch kinh doanh năm 2012.**

**2.3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kê hoạch năm 2012 (đồng)</b>
<b>Doanh thu bán hàng hóa</b>	<b>506,064,000,000</b>
Bông tấm + Bông chân (Padding. Quilting)	332,800,000,000
Chăn. ga. gôi (Bedding)	31,200,000,000
Nệm lò xo (spring mattress)	10,400,000,000.00
Nệm padding (padding mattress)	37,440,000,000
Sợi (Fiber)	6,240,000,000
Sản xuất và lắp ráp máy móc (Machine)	87,984,000,000
Sản phẩm khác	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>58,260,800,000</b>
<b>Vốn điều lệ</b>	<b>324,511,870,000</b>
<b>Tỷ lệ lợi nhuận/vốn điều lệ</b>	17.95%
<b>Tỷ lệ cô tức</b>	5.00%

**2.3.2. Thuận lợi và khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

- **Thuận lợi:** Bộ máy cán bộ lãnh đạo và quản lý của Công ty từ HĐQT, Ban điều hành. Ban Kiểm soát, quản lý các bộ phận trực thuộc đều có nhiều kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo và điều hành, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Đội ngũ cán bộ và nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, có ý thức trách nhiệm và rất hăng say trong công việc được phân công. Là doanh nghiệp tiên

phong, mạnh dạn đầu tư cho sản xuất máy móc thiết bị làm nệm. Cho đến nay, Công ty đã xây dựng được thương hiệu của mình trong lĩnh vực này. Các tháng cuối năm 2011 và đầu năm 2012, Công ty đã ký kết được 5 hợp đồng sản xuất và lắp đặt máy móc không chỉ cho các doanh nghiệp trong nước mà còn xuất khẩu sang Banglades và Hàn Quốc.

- **Khó khăn: Những rủi ro về vĩ mô:** Trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu, ngành dệt may năm 2012 được dự đoán sẽ có nhiều khó khăn với sự sụt giảm về cầu, sự khan hiếm và biến động giá nguyên vật liệu, sự thiếu hụt lao động ... Bên cạnh đó, mặc dù Nhà nước đã có nhiều giải pháp nhưng tình hình tài chính vẫn còn nhiều biến động, khả năng tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng của doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn. Đây chính là những thách thức đòi hỏi Công ty phải xây dựng những giá trị bền vững, đồng thời cũng có những kế hoạch linh hoạt giúp Công ty có thể phát triển phù hợp với những biến động của thị trường

### **2.3.3. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2012:**

- **Sản xuất kinh doanh:**
  - Nâng cao chất lượng sản phẩm của các mặt hàng chủ lực: Padding và Quilting:
    - Nâng cấp hệ thống dây chuyền sản xuất với việc đầu tư mua mới các máy móc thiết bị hiện đại.
    - Hiện đại hóa quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng tại các nhà xưởng để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
  - Quản lý và tiết kiệm chi phí ngày một hiệu quả hơn: rà soát lại và xây dựng các định mức chi phí hợp lý, thường xuyên phân tích các biến động chi phí để có thể điều chỉnh kịp thời, khuyến khích toàn thể nhân viên ý thức và thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động của Công ty.
  - Tiếp tục phát triển mạng lưới phân phối cho sản phẩm chăn, ga, gối mang thương hiệu VivaBon tại Miền Bắc: Tiếp tục thực hiện chiến lược marketing về thương hiệu VivaBon để thâm nhập thị trường, phát triển việc sản xuất mặt hàng này tại Chi nhánh Hưng Yên để giảm chi phí cho sản phẩm khi thâm nhập vào thị trường Miền Bắc.
  - Tại khu vực Miền Nam và Miền Trung là nơi doanh nghiệp đã có vị thế nhất định tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp sản phẩm và bảo hành sản phẩm để giữ vững lượng khách hàng hiện có và mở rộng mạng lưới sản phẩm để cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp khác. Đa dạng hóa chủng loại hàng hóa để có thể hướng đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

- Đẩy mạnh sản xuất và cung cấp sản phẩm máy sản xuất nệm và máy sản xuất tấm gòn bằng cách tăng cường công tác marketing, chủ động liên hệ, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng. Đồng thời đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân giỏi để có thể đảm bảo chất lượng sản phẩm, cũng như dịch vụ bảo hành bảo trì, cho khách hàng. Nghiên cứu việc sản xuất, lắp đặt máy chân gòn và máy sản xuất nguyên liệu sợi mà thị trường đang có nhu cầu rất lớn.
- **Công tác quản lý nguồn nhân lực:**
  - Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong môi trường cạnh tranh, bộ máy quản lý và điều hành của Công ty phải quán triệt nguyên tắc gọn nhẹ; đội ngũ cán bộ, nhân viên phải chuyên nghiệp, làm việc phải có hiệu quả và đạt chất lượng phục vụ cao. Với định hướng này, HĐQT Công ty đã xem xét kỹ lưỡng việc xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự. Lựa chọn và bổ nhiệm các vị trí quản lý chủ chốt của Công ty nhằm tạo điều kiện cho Công ty triển khai thuận lợi các hoạt động nghiệp vụ, có đủ khả năng và tư cách tiếp xúc đàm phán với các đối tác và khách hàng chiến lược. Duy trì các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công nhân viên để thu hút nguồn nhân lực tài năng, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp.
  - Với tổng số cán bộ quản lý và nhân viên hiện có 560 người, được phân bổ hợp lý tại văn phòng, các chi nhánh và nhà máy giúp Công ty triển khai tốt các nhiệm vụ kinh doanh và dịch vụ theo đúng chương trình kế hoạch. Tất cả đều có ý thức trách nhiệm trong công việc, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công.
- **Các dự án đầu tư:** Hội đồng quản trị tiếp tục xem xét các điều kiện kinh doanh của Doanh nghiệp, điều kiện về tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để thực hiện việc phát hành và niêm yết 8 triệu đô la Mỹ tại thị trường chứng khoán KOSDAQ của Hàn Quốc để thu hút vốn cho dự án xây dựng Nhà máy sản xuất tại Đà Nẵng. Đồng thời, Hội đồng quản trị vẫn tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược để chào bán riêng lẻ 6 triệu cổ phiếu, nhằm phục vụ cho nhu cầu kinh doanh, bổ sung vốn lưu động và mở chi nhánh kinh doanh tại Hoa Kỳ.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **3.1. Báo cáo tình hình tài chính**

##### **3.1.1. Các hệ số tài chính**

<b>Chỉ Tiêu</b>	<b>2011</b>	<b>2010</b>
<b>Khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH) (lần)	2.19	1.93
Hệ số thanh toán nhanh [(TSNH-HTK)/NNH] (lần)	1.51	1.52
<b>Hiệu quả sử dụng tài sản</b>		
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân trong kỳ) (lần)	3.12	4.7
Kỳ thu tiền bình quân [365/(DTT/các khoản phải thu bình quân trong kỳ)] (ngày)	243.19	172.38
Hệ số vòng quay khoản phải thu (DTT/các khoản phải thu bình quân trong kỳ) (lần)	1.50	2.12
Hiệu quả sử dụng tài sản cố định (DTT/TSCĐ bình quân trong kỳ) (lần)	1.71	1.75
Vòng quay toàn bộ tài sản (DTT/TTS bình quân trong kỳ) (lần)	0.58	0.71
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
Hệ số nợ - Tổng nợ/TTS (%)	28.99%	29.55%
Nợ ngắn hạn/Tổng nợ (%)	96.17%	94.27%
Nợ dài hạn/Tổng nợ (%)	3.83%	5.73%
Tổng nợ/VCSH (lần)	0.41	0.42
Hệ số nợ dài hạn trên VCS (NDH/VCSH) (%)	1.56%	2.40%
Hệ số nợ dài hạn trên TTS (NDH/TTS) (%)	1.11%	1.69%
<b>Hiệu quả hoạt động kinh doanh</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần – ROS (LNST/DTT) (%)	1.09%	9.01%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản – ROA (LNST/TTS bình quân) (%)	0.64%	6.43%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu – ROE (LNST/VCSH bình quân) (%)	0.90%	9.17%
Lợi nhuận từ HĐKD/DTT (%)	0.94%	12.58%

**3.1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011:**

Tài sản (VNĐ)	31/12/2011	Nguồn vốn (VNĐ)	31/12/2011
I.Tài sản ngắn hạn	381,604,184,549	I.Nợ phải trả	180,805,837,020
II.Tài sản dài hạn	241,989,333,286	II.Vốn chủ sở hữu	442,787,680,815
<b>Tổng cộng</b>	<b>623,593,517,835</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>623,593,517,835</b>

**3.1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông:**

Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2010:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 32.451.187 cổ phiếu  
 Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 32.451.187 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh: 25.330.084 cổ phiếu  
 Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 596 cổ phiếu
- Công ty không phát hành loại trái phiếu nào.

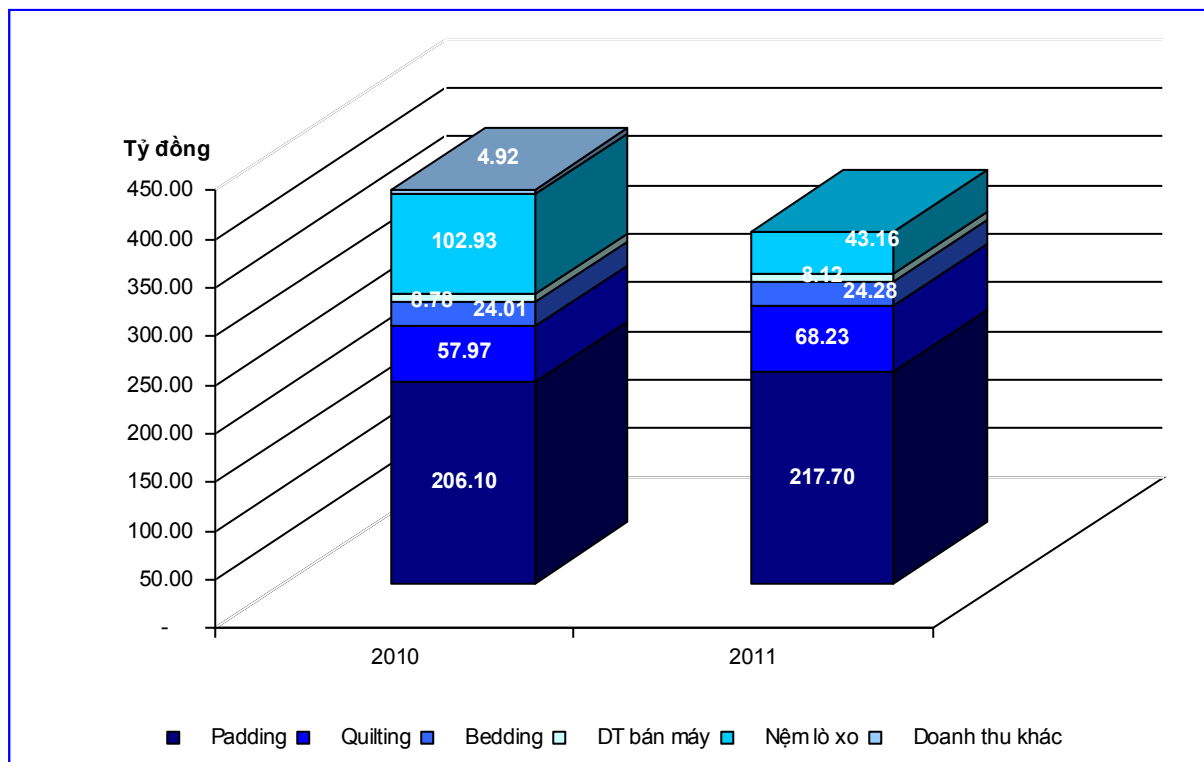
**3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**3.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Cơ cấu doanh thu	2010		2011		Tăng trưởng %
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ	%	
<b>DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>404,696,088,287</b>	<b>100.00%</b>	<b>361,487,224,021</b>	<b>100.00%</b>	<b>-10.68%</b>
Padding	206,095,078,249	50.93%	217,700,512,097	60.22%	5.63%
Quilting	57,966,341,401	14.32%	68,229,648,938	18.87%	17.71%
Bedding	24,006,516,721	5.93%	24,276,118,598	6.72%	1.12%
Nệm lò xo	8,775,630,178	2.17%	8,121,442,181	2.25%	-7.45%
DT bán máy	102,934,850,000	25.44%	43,159,502,207	11.94%	-58.07%
Doanh thu khác	4,917,671,738	1.22%			-100.00%

Trong năm 2011, doanh thu thuần của Công ty đạt 361.487.224.021 VNĐ, giảm 10.68% so với năm 2010. Trong đó, giảm mạnh nhất là mặt hàng máy móc với mức giảm năm 2011 so với 2010 là 58.07%, kế tiếp là nệm lò xo giảm 7.45%.

Biểu đồ cơ cấu doanh thu của Công ty:



Trong năm 2011, cơ cấu doanh thu của Công ty có sự thay đổi so với năm 2010: doanh thu Padding chiếm 60.22% trong tổng doanh thu thuần và tăng 9.29% so với năm 2010, doanh thu Quilting chiếm 18.87% và tăng 4.55% so với năm 2010, doanh thu bán máy chiếm 11.94% và giảm 13.5% so với năm 2010. Tỷ trọng doanh thu Bedding và nệm lò xo thay đổi không đáng kể so với năm 2010.

### 3.2.2. Nguyên vật liệu và chi phí sản xuất

Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của Công ty là các loại bông hóa học được sản xuất bằng công nghệ cao đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật. Loại cao cấp nhất là loại bông dạng ống có lỗ ở giữa từng sợi bông (có từ 1 đến 4 lỗ), có tác dụng giữ nhiệt mà bông tự nhiên không thể đáp ứng được, để sản xuất quần áo jacket, quần áo thể thao, thú nhồi bông và chăn, ga, gối, đệm. Tùy theo yêu cầu kỹ thuật của mỗi loại sản phẩm mà Công ty sử dụng các loại bông nguyên liệu khác nhau. Có thể kể ra loại bông nguyên liệu đầu vào chính được sử dụng: Bông PE 7Dx64 mm; 3Dx51mm, 6Dx51mm, 7Dx32mm/có silicon, không có silicon... Ngoài các nguyên liệu chính, Công ty còn sử dụng các loại nguyên liệu phụ khác để tạo ra các loại sản phẩm khác nhau, các loại nguyên liệu phụ được sử dụng là: keo polyme acrylic, chỉ may các loại, ny lông...

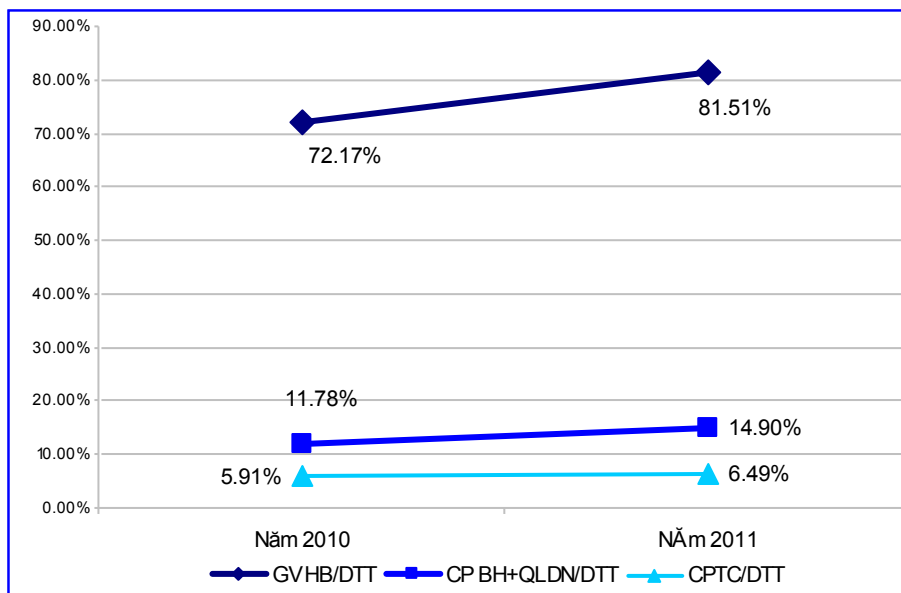
Nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất chủ yếu được nhập từ nước ngoài (Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan,...), đảm bảo yêu cầu về chất lượng và đa dạng về chủng loại. Hàng năm, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ to lớn từ cổ đông sáng lập (Mirae

Fiber Tech Co., Ltd) trong việc dự báo tình hình thị trường, nhu cầu và khối lượng các đơn đặt hàng để từ đó có kế hoạch nhập khẩu và dự trữ nguyên vật liệu tối ưu, đáp ứng đầy đủ nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong những năm gần đây, Công ty đã tích cực tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu trong nước để thay thế cho nhập khẩu. Năm 2011, công ty mua nguyên vật liệu chính trong nước chiếm 30%, tỷ lệ này tăng cao hơn so với những năm trước, điều này giúp cho công ty chủ động hơn trong việc đảm bảo nguồn nguyên liệu kịp thời cho sản xuất. Tuy nhiên, trong năm 2011, giá nguyên vật liệu trong năm biến động tăng nhiều làm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty

Cơ cấu chi phí sản xuất của doanh nghiệp trong năm 2011:

Chi phí	2010		2011	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
GVHB	292,063,582,300	72.17%	294,660,638,254	81.51%
Chi phí Bán hàng	23,832,556,117	5.89%	26,265,429,335	7.27%
Chi phí QLDN	23,856,524,308	5.89%	27,579,638,065	7.63%
Chi phí Tài chính	23,904,009,738	5.91%	23,465,728,385	6.49%
<b>TỔNG</b>	<b>363,656,672,463</b>	<b>89.86%</b>	<b>371,971,434,039</b>	<b>102.90%</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>404,696,088,287</b>		<b>361,487,224,021</b>	

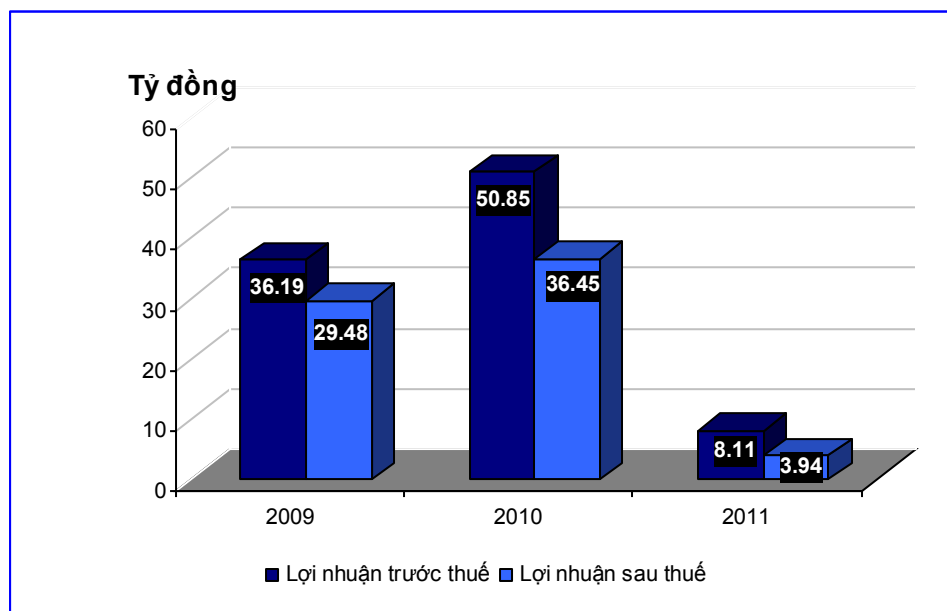
Nhìn chung, xét về tính tương đối, chi phí của Doanh nghiệp năm 2011 tăng nhiều so với năm 2010. Trong đó, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng mạnh so với năm 2010, tăng từ 72.17%- 2010 lên 81.51%. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng là do hai nguyên nhân chính: tổng doanh thu năm 2011 giảm so với năm 2010 và tỷ trọng doanh thu bán máy trên tổng doanh thu giảm- doanh thu bán máy có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao hơn so với các loại doanh thu bán hàng khác. Tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần năm 2011 tăng do năm 2011 công ty tiếp tục chiến lược quảng bá thương hiệu VivaBon cho mặt hàng chần, ga, gối, đệm và phát triển thị trường ra khu vực phía Bắc cho mặt hàng này. Doanh thu thuần năm 2011 giảm mạnh so với năm 2010 đã kéo theo tỷ trọng các chi phí trên doanh thu thuần đều tăng, riêng chi phí tài chính chỉ tăng nhẹ về số tương đối nhưng lại giảm về số tuyệt đối.



### 3.2.3. Lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2011 Công ty chỉ đạt được 3.937.054.915 đồng, giảm mạnh so với năm 2010 và so với kế hoạch đặt ra. Việc lợi nhuận không đạt được như kỳ vọng và các chỉ số ROA, ROS và ROE đều suy giảm mạnh là do những khó khăn vốn có của nền kinh tế còn nhiều khó khăn trong năm 2011.

Chỉ tiêu	2010	2011	So với năm trước (%)
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	36,449,597,894	3,937,054,915	-89.20%
Tỷ suất LNST/TTS (%)	6.43%	0.63%	-90.20%
Tỷ suất LNST/DT thuần (%)	9.01%	1.09%	-87.90%
Tỷ suất LNST/VCSH (%)	9.17%	0.89%	-90.29%





### 3.3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

- Xây dựng hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức theo mô hình công ty cổ phần gọn nhẹ và hiệu quả;
- Ban hành các quy chế, nội quy lao động đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty;
- Đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ công nhân viên về trình độ ngoại ngữ, trình độ chuyên môn;

**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**

**4.1.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31.12.2011**

STT	TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>381,604,184,549</b>	<b>330,073,271,119</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3,347,536,174</b>	<b>14,133,126,057</b>
1	Tiền	111	3	3,347,536,174	14,133,126,057
2	Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>240,526,362,588</b>	<b>241,171,994,789</b>
1	Phải thu khách hàng	131	4	205,451,571,578	226,972,558,591
2	Trả trước cho người bán	132	4	42,222,743,759	17,582,369,068
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5	Các khoản phải thu khác	138	5	1,156,211,667	1,943,728,651
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(8,304,164,416)	(5,326,661,521)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>118,768,867,682</b>	<b>70,269,356,414</b>
1	Hàng tồn kho	141		119,382,956,898	70,875,066,946
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(614,089,216)	(605,710,532)
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18,961,418,105</b>	<b>4,498,793,859</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126,111,030	819,395,868
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,841,310,701	1,875,264,822
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		169,589,838	1,169,977,761
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		13,824,406,536	634,155,408
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>241,989,333,286</b>	<b>284,004,080,774</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>195,016,684,115</b>	<b>228,920,905,146</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	7	179,950,849,996	198,678,823,776
	- Nguyên giá	222		303,946,216,422	304,468,249,449
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(123,995,366,426)	(105,789,425,673)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3	Tài sản cố định vô hình	227	8	14,986,051,095	15,418,189,801
	- Nguyên giá	228		17,318,443,200	17,318,443,200
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,332,392,105)	(1,900,253,399)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	79,783,024	14,823,891,569
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3	Đầu tư dài hạn khác	258	10	8,400,000,000	8,400,000,000
4	Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn (*)	258		(8,400,000,000)	(8,400,000,000)
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46,972,649,171</b>	<b>55,083,175,628</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	775,286,488	989,776,080
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,997,290,968	4,394,347,438
3	Tài sản dài hạn khác	268		104,818,974	91,892,730
4	Lợi thế thương mại			44,095,252,741	49,607,159,380
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>623,593,517,835</b>	<b>614,077,351,893</b>

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>180,805,837,020</b>	<b>181,264,613,932</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>173,883,102,469</b>	<b>170,875,428,292</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	12	113,559,807,598	110,211,156,389
2	Phải trả người bán	312	13	21,510,472,578	21,786,915,464
3	Người mua trả tiền trước	313	13	5,904,900,410	3,229,964,115
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	14	22,019,135,838	27,554,977,115
5	Phải trả người lao động	315		3,639,024,229	3,029,621,708
6	Chi phí phải trả	316	15	744,565,199	1,476,012,831
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	16	2,283,566,621	1,568,210,580
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4,221,629,996	2,018,570,090
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6,922,734,551</b>	<b>10,389,185,640</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334	17	5,777,977,200	9,282,078,000
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		15,379,972	
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,129,377,379	1,107,107,640
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338			
9	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>442,787,680,815</b>	<b>432,812,737,961</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>442,787,680,815</b>	<b>432,812,737,961</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324,511,870,000	324,511,870,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		72,198,102,374	75,525,566,593
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(5,078,213)	(13,375,390,189)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		4,778,230,657	2,955,750,762
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		4,037,370,818	2,214,890,923
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4,037,370,818	2,214,890,923
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33,229,814,361	38,765,158,949
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1	Nguồn kinh phí	432			
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>623,593,517,835</b>	<b>614,077,351,893</b>

**4.2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011**

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	6
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>19</b>	<b>363,539,549,649</b>	<b>405,164,237,864</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	20	2,052,325,628	468,149,577
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>361,487,224,021</b>	<b>404,696,088,287</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	22	294,660,638,254	292,063,582,300
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>66,826,585,767</b>	<b>112,632,505,987</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	13,887,464,102	9,867,623,048
7	Chi phí tài chính	22	24	23,465,728,385	23,904,009,738
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15,750,944,151	10,446,656,411
8	Chi phí bán hàng	24		26,265,429,335	23,832,556,117
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27,579,638,065	23,856,524,308
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3,403,254,084</b>	<b>50,907,038,872</b>
11	Thu nhập khác	31		8,737,315,568	496,141,814
12	Chi phí khác	32		4,025,965,045	549,402,578
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>4,711,350,523</b>	<b>(53,260,764)</b>
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>8,114,604,607</b>	<b>50,853,778,108</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1,765,113,250	15,039,978,312
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2,412,436,442	(635,798,098)
<b>17</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>3,937,054,915</b>	<b>36,449,597,894</b>
<b>18</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>			<b>109</b>	<b>1,221</b>

**4.3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2011 (Theo phương pháp gián tiếp)**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Lợi nhuận trước thuế	1	8,114,604,607	54,361,281,627
2	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>		49,281,969,880	33,540,778,540
	Khấu hao tài sản cố định	2	21,455,363,522	21,548,282,905
	Các khoản dự phòng	3	2,985,881,579	1,678,814,126
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	9,134,038,904	(90,645,025)
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(44,258,276)	(42,329,877)
	Chi phí lãi vay	6	15,750,944,151	10,446,656,411
3	<b>Lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	8	57,396,574,487	87,902,060,167
	Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(14,955,699,812)	(97,712,258,611)
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(33,683,998,409)	(22,117,339,215)
	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6,905,733,604	10,839,291,842
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	907,774,335	4,964,051,274
	Tiền lãi vay đã trả	13	(15,663,919,600)	(10,446,656,411)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1,495,505,281)	(7,246,541,695)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,732,654,436	729,281,662
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(15,939,038,153)	(156,343,766)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(14,795,424,393)	(33,244,454,753)
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và TSDH khác	21	(1,281,562,873)	(4,084,936,441)
2	Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	852,702,400	
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	15,242,000,000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75,901,737	62,955,273
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(352,958,736)	11,220,018,832
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp từ CSH	31	4,695,712,736	20,725,082,000
2	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	253,118,693,697	257,423,566,028
3	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(253,915,615,588)	(252,768,235,170)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	3,898,790,845	25,380,412,858
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	50	(11,249,592,284)	3,355,976,937
	<b>Tiền nhận về từ hợp nhất kinh doanh</b>			
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	14,133,026,057	10,686,504,094
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	464,102,401	90,645,026
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	70	3,347,536,174	14,133,126,057

**V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN****5.1. Kiểm toán độc lập****BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ QUÝ CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mirae (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 13/02/2012. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày theo các nguyên tắc kế toán, Luật kế toán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán quốc tế được chấp nhận chung tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập, trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý và đảm bảo rằng Công ty tuân thủ đúng pháp luật và các qui định hiện hành; ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định trong Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình lập báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không. Chúng tôi đã tiến hành lập kế hoạch kiểm toán nhằm đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mirae đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Thay mặt và đại diện****CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)**

---

**Nguyễn Hồng Chuẩn****Giám đốc***Chứng chỉ KTV số: 1214/KTV*

---

**Đoàn Văn Cường****Kiểm toán viên***Chứng chỉ KTV số: 1377/KTV***5.2. Kiểm toán nội bộ:**

Không có ý kiến.

### VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

#### 6.1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty

Không có

#### 6.2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ

Không có

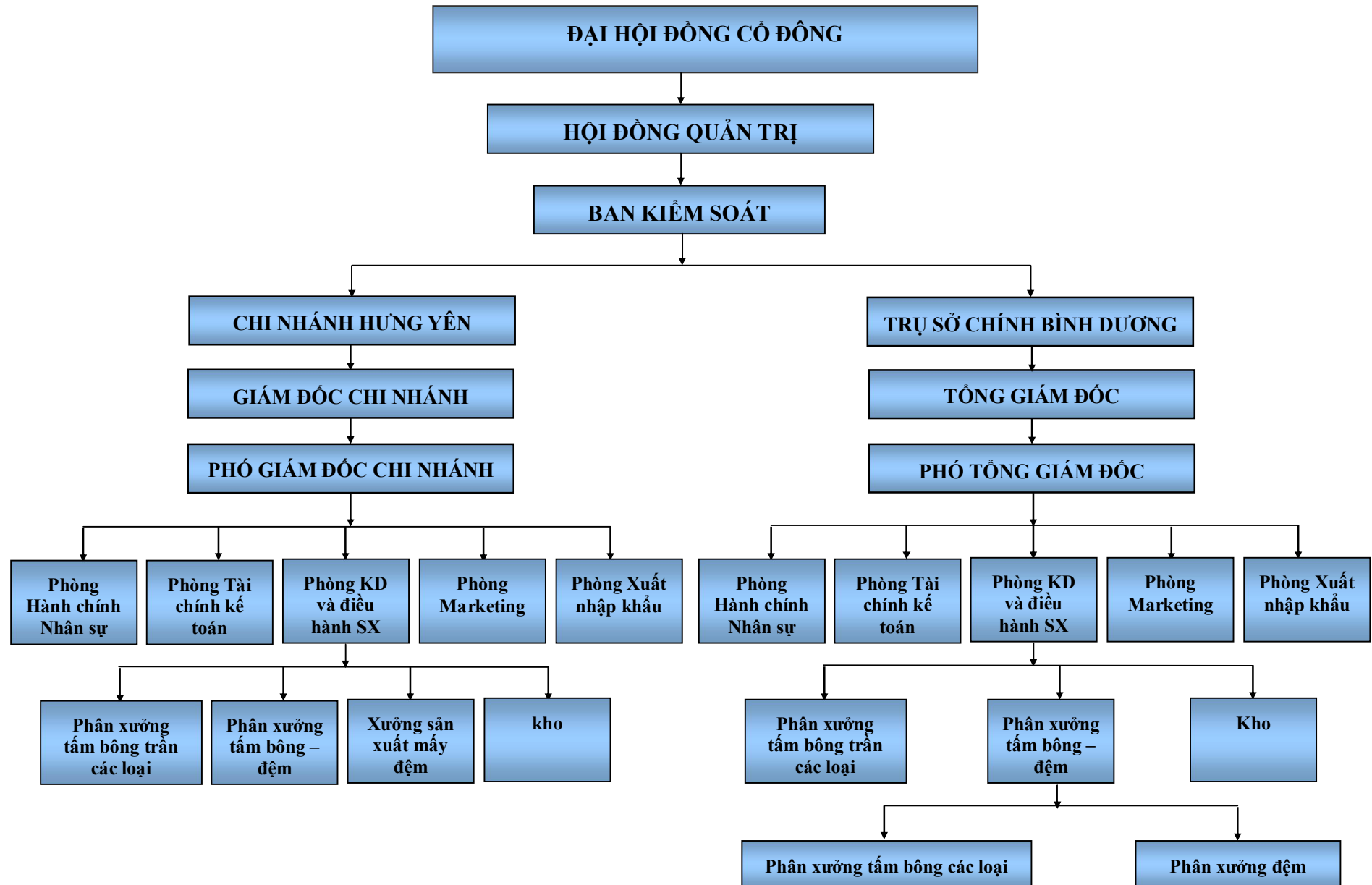
### VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

#### 7.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Mirae được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2007; điều chỉnh & bổ sung gần nhất vào ngày 21/02/2011.

**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**





**7.2. Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động**

**7.2.1. Số lượng cán bộ nhân viên**

Tại thời điểm 31/12/2010, tổng số lao động trong Công ty là 560 người. Cơ cấu lao động phân loại như sau:

TT	LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>560</b>	<b>100.00%</b>
1	Trình độ đại học	31	5.54%
2	Cao đẳng và Trung cấp	60	10.71%
3	Công nhân kỹ thuật, trình độ sơ cấp	44	7.86%
4	Khác	425	75.89%
<b>II</b>	<b>Phân loại theo đối tượng lao động</b>	<b>560</b>	<b>100.00%</b>
1	Lao động trực tiếp	454	81.07%
2	Lao động gián tiếp	106	18.93%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>560</b>	<b>100.00%</b>

**7.2.2. Chính sách đối với người lao động**

**🏠 Chế độ làm việc**

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động.

Công ty giải quyết đầy đủ kịp thời các chế độ khác đối với người lao động như chế độ nâng lương, nâng bậc, chế độ ốm đau thai sản, chế độ nghỉ hưu và chăm lo việc hiếu hỉ cho cán bộ công nhân viên... Bên cạnh đó, công ty luôn quan tâm giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày làm việc/tuần với thời gian trung bình là 48 giờ/tuần. Mỗi ngày làm việc chia thành 2 ca, giờ làm việc gồm 8 tiếng làm chính và có thể 4 tiếng tăng ca tùy theo sức khỏe công nhân.

Hợp đồng lao động thông thường được ký theo lộ trình: 1-2 tháng thử việc, kỳ hạn 6 tháng, kỳ hạn 1 năm, dài hạn.

Công ty đặt trụ sở sản xuất tại Hưng Yên và Bình Dương, do vậy đối với công nhân viên ở xa nơi làm việc, Công ty có xe đưa đón tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công nhân viên Công ty.

#### **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, trong định hướng phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng tới các giải pháp về nhân lực:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về mọi mặt, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, lao động với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao;
- Xây dựng chế độ bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp đối với đội ngũ chuyên gia trình độ cao. Công ty dự kiến lập quỹ tài chính, các loại giải thưởng, cải cách về chế độ tiền lương, chế độ cung cấp và tiếp cận thông tin, tạo mọi điều kiện vật chất, môi trường làm việc, các hoạt động chuyên môn và đời sống sinh hoạt cho đội ngũ tri thức, chuyên gia, nhân tài để họ yên tâm cống hiến tài năng trí tuệ phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Hàng năm tổ chức tuyển chọn và hỗ trợ kinh phí thích đáng để cử cán bộ công nhân viên có thành tích, triển vọng phát triển tốt và nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty trong những lĩnh vực cần thiết đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn tại Hàn Quốc;
- Kiện toàn bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo hướng tinh giảm tối đa, sắp xếp biên chế theo chức năng nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Tất cả các công nhân viên được tuyển dụng phải thông qua hình thức thi tuyển có quy chế rõ ràng, không tuyển dụng thông qua giới thiệu;
- Đảm bảo đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với mọi thành viên trong Công ty, tổ chức ký thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo Công ty và Công đoàn Công ty để bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

#### **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Đối với cán bộ quản lý, Công ty xây dựng quy chế lương và được HĐQT phê duyệt. Lương của cán bộ quản lý gồm lương khoán theo chức danh, công việc và các khoản phụ cấp. Bên cạnh đó, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Hàng năm, Công ty họp xét khen thưởng căn cứ vào danh sách đề nghị khen thưởng của các phòng ban Công ty.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Công ty có chính sách phúc lợi hợp lý đối với người lao động. Ngoài việc chi trợ cấp khó khăn, chi phong trao văn hoá thể thao, bồi dưỡng công nhân viên nhân dịp lễ, Tết, chi ủng hộ..., Công ty chi trả cho công nhân viên theo mức lương cố định là 14 tháng lương/năm. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức cho công nhân viên đi tham quan, du lịch hàng năm. Những chính sách trên đã khuyến khích động viên kịp thời, gắn bó người lao động với Công ty.

NĂM	2011	2010
Mức lương bình quân (đồng/ng/tháng)	<b>2,527,683</b>	<b>1,789,873</b>
Thu nhập bình quân (đồng/ng/tháng)	<b>4,143,812</b>	<b>2,730,000</b>

**VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**8.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

**8.1.1. Thành viên Hội đồng quản trị**

**Hội đồng quản trị**

Ông Shin Young Sik	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Park Hee Sung	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Choi Young Ho	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Lim Jeong Jul	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Shin Dong Jin	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Kim Chul Soo	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Park Jong Chil	Thành viên Hội đồng quản trị (Đã từ nhiệm)
Ông Hong Seok Young	Thành viên Hội đồng quản trị (Đã từ nhiệm)
Ông Lee Eun Won	Thành viên Hội đồng quản trị (Bầu bổ sung từ ĐHĐCĐ ngày 28/04/2011)
Ông Kim In Sou	Thành viên Hội đồng quản trị (Bầu bổ sung từ ĐHĐCĐ ngày 28/04/2011)

**✚ Chủ tịch hội đồng quản trị**

- Họ và tên : **SHIN YOUNG SIK**
- Hộ chiếu số: KN0878184; Ngày cấp: 17/8/2006; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1958
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0321.974 170
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian công tác</b>	<b>Chức vụ, đơn vị công tác</b>
Năm 1978 – Năm 1987	Trường Sĩ quan lục quân Seoul
Năm 1978 – Năm 1984	Trường Quản lý kinh tế Seoul
Năm 1980 – Năm 1987	Trung úy quân đội Seoul
Năm 1987 – Năm 1997	Phó giám đốc Công ty MOOLSAM, Seoul, Hàn Quốc
Năm 1998 – Năm 2007	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc công ty TNHH Mirae Fiber Tech, Seoul, Hàn Quốc
Năm 2001 – tháng 9 năm 2007	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mirae Fiber Hưng Yên.
10/2007 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae
- Số cổ phần nắm giữ: 6.982.847 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 6.982.847 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan:

**Vợ : LIM JEONG YUL**

Sinh ngày: 03/03/1962

Số hộ chiếu: SC0564461 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp

Quốc tịch: Hàn Quốc

Số cổ phần nắm giữ: 1.613.908 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

#### **Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **PARK HEE SUNG**
- Hộ chiếu số: KR0122474; Ngày cấp: 24/06/2005; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/02/1973
- Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc

- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: 02-802 KUMHO APT PARKDAL - 2 DONG MANANGU ANYANG CITY KYONGGIDO KORI
- Địa chỉ thường trú: (Kumho Apt. 102-802) 149-1. Bakdal 2-dong. Manangu. Anyang-Si. Gyeonggi-Do. Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.791 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

**Thời gian công tác****Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1998 – Năm 2003	Trưởng phòng kinh doanh. Công ty Viko Glowin. Hàn Quốc
Năm 2003 – Nay	Giám đốc kinh doanh – Công ty Cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

**Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **CHOI YOUNG HO**
- Hộ chiếu số: SC2066027; ngày cấp: 24/4/2007; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/7/1968
- Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul, Hàn Quốc

- Địa chỉ thường trú: Sinsigaji APT 905-806, 313 Sinjeong 1 – dong, Yang Cheon – gu, Seoul, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (+84) 0321 974 170
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

**Thời gian công tác****Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1994 – Năm 2006

Trưởng phòng, phòng nghiên cứu công nghệ thực phẩm Seoul

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mirae Fiber.

Năm 2007 – nay

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản Công ty Cổ phần Mirae.
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 161.401 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 161.401 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 161.401 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

**Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **LIM JEONG YUL**
- Hộ chiếu số: TR0039790; Ngày cấp: 19/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1962
- Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Secho Gu, Seoul, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn

**Quốc**

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (+84) 0321.974 170
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:

**Thời gian công tác****Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1981 – Năm 1985	Đại học ngoại ngữ Anh văn, Seoul, Hàn Quốc
Năm 1985 – Năm 1986	Giáo viên trường trung học phổ thông Puchon, Hàn Quốc
Năm 1987 – Năm 2003	Làm việc tự do
Năm 2003 – Năm 2007	Giáo viên tại Canada
Tháng 10/2007 đến nay	Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 1.613.908 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 1.613.908 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan:  
Chồng : **SHIN YOUNG SIK** (Như đã nêu trên)

**Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên : **SHIN DONG JIN**
- Hộ chiếu số: 7172350; Ngày cấp: 05/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/11/1966
- Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc



- Quê quán: Daegu, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: 169-12, Dae Bong Dong, Daegu, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0650 – 737 – 457
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác :

**Thời gian công tác****Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1994 – Năm 2003

Nhân viên phòng kinh doanh, Công ty Viko Glowin

Năm 2004 – Nay

Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mirae
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

**Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **KIM CHUL SOO**
- Hộ chiếu số: KN0664913; ngày cấp: 2/7/2001; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1966
- Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul. Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: 101-1202. Dea-A Apt. Poong Nap Dong. Song Pa Gu. Seoul. Hàn Quốc

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0656 791 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế
- Quá trình công tác:

**Thời gian công tác****Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1985 – Năm 1986	Nhân viên KOSDAQ. Phòng xuất hàng. Công ty World Wide Express & Tour
Năm 1986 – Năm 1989	Phục vụ Quân đội
Năm 1989 – Năm 1993	Phó giám đốc Công ty TNHH Poong Lim
Năm 1993 – Năm 1995	Phó giám đốc. phòng tài chính. Công ty Xây dựng và Điều hành máy móc
Năm 1995 – Năm 1997	Giám đốc Công ty TNHH Korea Symons
Tháng 11/1997 – Tháng 3/1998	Phó giám đốc. phòng kế toán. Công ty Korea Moolsan
Tháng 3/1998 – Tháng 7/2006	Trưởng phòng quản lý xuất nhập khẩu. Công ty Dong Yang Menics
Tháng 8/2005 – Tháng 5/2007	Giám Đốc Phòng quản lý Công ty Yeilbiotech
Tháng 9/2007– Nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Mirae

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 5.649 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 5.649 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

**Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **LEE EUN WON**
- Hộ chiếu số: SC0726248; ngày cấp: 08/03/2007; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 04/08/1984
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: U-nam Apt, Shin Guan Dong, Kong Ju, Chung Cheng Nam, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.3791 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý Kinh tế
- Quá trình công tác:

**Thời gian công tác**

Tháng 05/2010- nay

**Chức vụ, đơn vị công tác**

Nhân viên kinh doanh tại Công ty cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

**Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **KIM IN SOU**
- Hộ chiếu số: M48372586; ngày cấp: 22/06/2010; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/06/1964
- Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul. Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Liêu Xá, yên mỹ, Hưng yên

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650. 3737457
- Trình độ văn hoá: Trung học chuyên nghiệp
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

**Thời gian công tác****Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 2006-Tháng 03/2011

Quản lý Công ty cổ phần Mirae Fiber

Tháng 04/2011

Phó Giám Đốc Chi nhánh Hưng yên - Công ty cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám Đốc Chi nhánh Hưng yên - Công ty cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

**8.1.2. Thành viên Ban giám đốc****Ban giám đốc**

Ông Shin Young Sik

Tổng Giám đốc

Ông Shin Dong Jin

Phó Tổng Giám đốc

Ông Kim Chul Soo

Phó Tổng Giám đốc

Ông Choi Young Ho

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN Hưng Yên

Ông Kim In Sou

Phó Tổng Giám đốc kiêm PGĐ CN Hưng Yên

(Sơ yếu lý lịch : Tham khảo tại điểm 8.1.1- Hội đồng quản trị)

**8.1.3. Ban kiểm soát****Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Thanh Bình

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị ý Nhi

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Huỳnh Công Khanh

Thành viên Ban Kiểm soát

**✚ Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH BÌNH**
- CMND số: 280666064 cấp ngày 22/07/2002 tại Bình Dương
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1976
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: Ấp 1, Xã Tân Long, Phú Giáo, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650 – 791 – 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Kinh tế
- Quá trình công tác:

**Thời gian công tác****Chức vụ, đơn vị công tác****Năm 1999 - 2000****Nhân viên Kinh doanh Cty YAMAHA****Năm 2000 – 2001****Nhân viên kinh doanh Công Ty MEKOLUB****Năm 2001 – Nay****Trưởng Phòng XNK Công Ty CP Mirae.**

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae
- Số cổ phần nắm giữ: 0
  - Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

**✚ Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **LÊ THỊ Ý NHI**
- Số CMTND: 025336209 cấp ngày 17/06/2010 tại CA TP.Hồ Chí Minh.
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18-01-1970
- Nơi sinh: Quảng Ngãi

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 310/1/10 Nguyễn Xí, Phường 13, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0650.791.038
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Ngoại thương, Trung cấp Kế Toán
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian công tác</b>	<b>Chức vụ, đơn vị công tác</b>
Năm 1995 - 2002	Nhân viên kế toán, Công Ty Cổ Phần Phát Hành Sách TP.HCM
Năm 2002 đến nay	Nhân Viên Kế toán, Công ty Cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Nhân viên kế toán, Công ty Cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

#### **Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **HUỲNH CÔNG KHANH**
- Số CMTND: 208500363 cấp ngày 23/08/1997 tại Bình Dương.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 4/12/1972
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 198/48 Phường Chánh Nghĩa, Thị Xã Thủ Dầu Một, Bình
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0650.791.038

- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Kế toán
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian công tác</b>	<b>Chức vụ, đơn vị công tác</b>
Năm 2000 - 2002	Nhân viên kế toán Công Ty TNHH Jin Fa
Năm 2002 - 2003	Nhân viên kế toán Công Ty TNHH Bang Đức
Năm 2003 – Nay	Nhân viên XNK Công Ty CP Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Nhân viên XNK Công Ty CP Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

#### **8.1.4. Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC LIÊN**
- Số CMND: 145049620 cấp ngày 14/11/2006 tại Hưng Yên
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/08/1981
- Nơi sinh: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0321.974 170
- Trình độ văn hoá: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác

<b>Thời gian công tác</b>	<b>Chức vụ, đơn vị công tác</b>
Năm 1999 – Tháng 6/2004	Nhân viên kế toán, Công ty cổ phần xây

lắp Công nghiệp thực phẩm, Hà Nội

Tháng 7/2004 – Tháng 6/2007 Nhân viên kế toán, Công ty Cổ phần Hà Phát, Hưng Yên

Tháng 7/2007 – Nay Thành viên Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 55.519 cổ phần
  - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 55.519 cổ phần
  - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không
- Những người có liên quan: Không

## **8.2. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

Trong năm 2011. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhận thù lao tổng cộng là 228.000.000 đồng, chi tiết như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 VND/tháng/người
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 VND/tháng/người
- Trưởng BKS: 2.000.000 VND/tháng/người
- Thành viên BKS: 2.000.000 VND/tháng/người.

## **8.3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn đến 03/2012:**

### **8.3.1. Cơ cấu cổ đông của Doanh nghiệp**

Cơ cấu cổ đông của KMR ngày 27/03/2012:



STT	Cơ cấu vốn	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>TRONG NƯỚC</b>	<b>15,604,233</b>	<b>156,042,330,000</b>	<b>48.09%</b>
1	Cá nhân	14,694,457	146,944,570,000	45.28%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%			
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	14,694,457	146,944,570,000	45.28%
2	Tổ chức	909,776	9,097,760,000	2.80%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%			
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	909,776	9,097,760,000	2.80%
<b>II</b>	<b>NƯỚC NGOÀI</b>	<b>16,846,356</b>	<b>168,463,560,000</b>	<b>51.91%</b>
1	Cá nhân	10,863,728	108,637,280,000	33.48%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	6,982,847	69,828,470,000	21.52%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	3,880,881	38,808,810,000	11.96%
2	Tổ chức	5,982,628	59,826,280,000	18.44%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	5,562,414	55,624,140,000	17.14%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	420,214	4,202,140,000	1.29%
<b>III</b>	<b>CỔ PHIẾU QUỸ</b>	<b>596</b>	<b>5,960,000</b>	<b>0.00%</b>
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>32,451,185</b>	<b>324,511,850,000</b>	<b>100.00%</b>

**8.3.2. Thông tin về cổ đông lớn:**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ
1	MIRAE FIBER TECH CO. LTD	Yoksam heights 1807-1806. 642-19 Yoksam-dong. Kangnam-ku. Seoul. Hàn Quốc	5,562,414	17.14%
2	SHIN YOUNG SIK	Dong-A @103-508. Jamwon- Dong. Seocho Gu. Seoul. Korea	6,982,847	21.51%
<b>TỔNG</b>			<b>12,545,261</b>	<b>38.66%</b>

**IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1. Các hoạt động xã hội**

Ngoài công tác chăm lo đời sống cho nhân viên của Công ty, Phòng nhân sự của Công ty còn giúp cho Ban lãnh đạo và nhân viên công ty thực hiện các công tác xã hội và công tác từ thiện. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi quyên góp hỗ trợ cho Trung Tâm Nhân Đạo Quê Hương. Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội như cung cấp chăn, ra, gối đệm cho các trẻ em mồ côi tại Trung Tâm. Các lãnh đạo người hàn Quốc của Công ty cũng giúp kêu gọi sự quan tâm, giúp đỡ cho Trung Tâm từ phía các đối tác, các tổ chức nhân đạo tại Hàn Quốc.

**9.2. Các hoạt động đối ngoại với Nhà đầu tư**

Với mục tiêu phát triển vì lợi ích của toàn thể các cổ đông, Công ty đã thường xuyên cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động và các kế hoạch phát triển trên website công ty, các phương tiện thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, các báo, đài ... Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp thông tin và giải đáp các câu hỏi của cổ đông liên quan đến hoạt động đầu tư vào Công ty cổ phần Mirae, các kế hoạch phát triển, giúp các nhà đầu tư hiểu rõ và tin tưởng hơn vào các kế hoạch phát triển của Công ty.

*Bình Dương, Ngày 20 tháng 04 năm 2012*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE**  
**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- UBCKNN
- SGDCK HN
- Lưu VT

**SHIN YOUNG SIK**